



PHỤ LỤC
ATTACHMENT



(Kèm theo quyết định số: 5405/QĐ-VACI ngày 05 tháng 8 năm 2023
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)

Phòng thí nghiệm:

Phòng Kỹ thuật – Công ty Cổ phần MTK Hữu Thành

Laboratory

Technical Department – Huu Thanh MTK Joint Stock Company

Cơ quan chủ quản:

CÔNG TY CỔ PHẦN MTK HỮU THÀNH

Holding organization:

HUU THANH MTK JOINT STOCK COMPANY

Lĩnh vực:

Hóa học

Field of testing:

Chemical

Người phụ trách/ Representative: **Phạm Quốc Trung**

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/Full name	Phạm vi được ký/Scope
1	Phạm Quốc Trung	Tất cả các phép thử được công nhận All accredited tests
2	Nguyễn Trí Vũ	Tất cả các phép thử được công nhận All accredited tests
3	Lâm Ngọc Tuyền	Tất cả các phép thử được công nhận All accredited tests

Số hiệu/Code: **VALAS 112**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **04/ 8/ 2028**

Địa chỉ văn phòng/Headquarters:

Lô D-10, Đường N3, khu công nghiệp Hựu Thạnh, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam

Lot D-10, Road N3, Huu Thanh Industrial Park, Huu Thanh Commune, Duc Hoa District, Long An Province, Vietnam

Địa chỉ phòng thí nghiệm/Lab Location: :

Lô D-10, Đường N3, khu công nghiệp Hựu Thạnh, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam

Lot D-10, Road N3, Huu Thanh Industrial Park, Huu Thanh Commune, Duc Hoa District, Long An Province, Vietnam

Số điện thoại/Phone: **0868.518.686 / 0904.410.646**

Email: **trung.3n@gmail.com**



Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học

Field of testing: Chemical

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Phân bón NPK <i>Fertilizer NPK</i>	Xác định hàm lượng Nitơ tổng (%) <i>Determination of total nitrogen content (%)</i>	1%	TCVN 5815:2018
2.		Xác định hàm lượng Photpho hữu hiệu (%) <i>Determination of available phosphorus content (%)</i>	1%	
3.		Hàm lượng Kali hữu hiệu (%) <i>Determination of available potassium content (%)</i>	1%	TCVN 8560:2018
4.		Xác định độ ẩm <i>Determination of moisture</i>	1%	TCVN 9297:2012
5.	Phân bón hữu cơ <i>Organic fertilizer</i>	Hàm lượng hữu cơ (%) <i>Organic content (%)</i>	1%	TCVN 9294:2012

Ghi chú / Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam / *Vietnam Standards.*